TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 7 - 2020
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Hướng

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Bà Thiều Thị Phi Loan

2/ Bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:* Bà Nguyễn Hoàng Thế Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 24/7/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 503/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 12/6/2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 99/6, khu phố 6, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

* Bị đơn: Ông Phạm Thanh Ph, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 99/6, khu phố 6, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Bà D đề nghị xét xử vắng mặt, ông Ph vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông Ph tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyên vào năm 2019, đã được UBND phường Tân Biên, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn thường xuyên cãi vã, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và không tôn trọng lẫn nhau. Để hàn gắn tình cảm hai vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Nhận

thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Ph.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, bị đơn ông Ph không tham gia và không có lời trình bày ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng được Toà án tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được bảo đảm. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để tuyên xử cho nguyên đơn ly hôn bị đơn. Về con chung bà D khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung bà D không có yêu cầu còn ông Ph không tham gia tố tụng nên không đặt ra xem xét trong vụ án này và tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Phạm Thanh Ph hiện đang cư trú tại 99/6, khu phố 6, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên đơn khởi kiện của bà D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn bà D có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo đơn khởi kiện người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thấy rằng: Hôn nhân giữa bà D, ông Ph là tự nguyện có đăng ký kết hôn và được UBND phường Tân Biên, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là Hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn trình bày giữa vợ chồng bà D thường xuyên cãi vã, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa Ph về tình trạng hôn nhận của các đương sự nhưng UBND phường Tân Biên, TP. B không nắm được mâu thuẫn của các đương sự (Bút lục số 35). Xét mâu thuẫn giữa bà D, ông Ph Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống chung giữa bà D, ông Ph không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không quan tâm đến nhau dẫn đến xung đột thường xuyên, vợ chồng đã mâu thuẫn gay gắt trong thời gian dài. Căn cứ khoản 2, Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác nhận các tình tiết này là sự thật và xác định, tình trạng hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các đương sự đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng bà D vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, bị đơn ông Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải nhưng cố ý vắng mặt

là thể hiện bị đơn không quan tâm đến đời sống hôn nhân của vợ chồng. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[5] Về con chung: Bà D khai không có con chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D khai không có tài sản chung và không có nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy D.

Bà Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn ông Phạm Thanh Ph.

2/ Về con chung: Không có**.**

3/ Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có.

5/ Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Thùy D đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0008175 ngày 03/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà Nguyễn Thị Thùy D đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. B;
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Xuân Hướng